

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH

Người giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Giảng tại: Tịnh Tông Học Hội Singapore

Thời gian: năm 2001

Tập 67

Kinh văn: **“Lục trang nghiêm cổ, chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả”**.

Hai câu này là nói hiệu quả của “Ngũ lục”.

“Chúng oán tận diệt”, chữ “oán” này hàm nghĩa rất là sâu rộng. Không chỉ ở bên ngoài chướng ngại gọi là oán nghiệp, mà chướng ngại của chính bản thân mình cũng là oán nghiệp; giải đãi, lười biếng đều là oán nghiệp. Ngũ căn là để đối trị. Trong “Giáo Thừa Pháp Số” nói nghi chướng, hoài nghi chướng ngại là oán nghiệp, giải đãi là oán nghiệp, hôn trầm, thất niệm, dễ quên đều là oán nghiệp. Phía sau nói tán loạn, ngu mê, những thứ này đều là oan gia phiền não. Đây không phải là bên ngoài đến. Trong kinh Bát Đại Nhân Giác, Phật nói với chúng ta bốn loại ma, trong đó có ba loại là thuộc về bên trong.

- “Ngũ ám ma” là sắc - thọ - tưởng - hành - thức, đây là trong thân chúng ta.
- “Phiền não ma”, cũng là bên trong của chúng ta
- “Tử ma”, cũng là sự việc của chính chúng ta.

Tất cả ma chướng bên ngoài đều gọi là “thiên ma”, không phải thuộc về chính mình. Vậy thì ta liền lý giải, phạm vi oán nghiệp lớn. Nếu chúng ta muốn phá oan nghiệp bên ngoài, thì trước tiên phải đoạn oan nghiệp trong tâm. Bên trong đoạn rồi thì toàn bộ bên ngoài đều hóa giải. Nếu không đoạn bên trong, muốn đem oan gia bên ngoài hóa trừ, không thể có đạo lý này. Oan gia bên ngoài đã kết từ vô thi kiếp, vĩnh viễn không thể đoạn được. Cho nên Bồ Tát thành Phật, nhất định phải làm đến “nghiệp tận tình không” thì mới có thể thành được Phật. Chúng ta nghĩ lại xem, câu nói này làm thế nào thực tiễn? Chắc chắn là làm từ bản thân.

Chúng sanh thành Phật, tu hành gian nan đến như vậy, rốt cuộc khó ở chỗ nào vậy? Khó ngay ở chỗ quan niệm sai lầm, chúng ta chỉ biết đối ngoại, không biết đối nội. Chúng ta muốn tiêu trừ nghiệp chướng, tầm mắt của ta chỉ nhìn ở bên ngoài, không biết rằng tiêu trừ nghiệp chướng ở bên trong là quan trọng. Trong kinh luận, Phật thường hay nói với chúng ta: **“Tất cả pháp từ tâm tướng sanh”**. Câu nói này vô cùng quan trọng. Thế xuất thế gian, mười pháp giới y chánh trang nghiêm từ chỗ nào mà có? Do tâm tướng sanh. Tại vì sao thế gian này có nhiều người ác đến như vậy? Do tâm tướng của ta sanh ra. Lìa khỏi tâm tướng, không có pháp nào có thể được. Nghịch cảnh, người ác là do ý niệm bất thiện của chính chúng ta mà sanh ra, làm sao có thể trách hoàn cảnh bên ngoài? Trách lầm người ta rồi! Nếu như chính mình mỗi niệm đều là thiện, thì bạn thấy cảnh giới bên ngoài không có thứ nào bất thiện.

Tại sao Phật xem thấy tất cả chúng sanh đều là Phật? Vì tâm của Ngài là Phật, tâm của Phật xem thấy cảnh giới bên ngoài thấy đều là Phật. Chúng ta chính mình đến hôm nào thành tựu? Không cần nói thành Phật Bồ Tát, vậy thì quá cao rồi, chúng ta chỉ nói người thiện, người tốt, đến lúc nào chúng ta chính mình mới chân thật trở thành người thiện, người tốt? Người thiện vừa mở mắt ra, thấy tất cả thế gian không có pháp nào là bất thiện, nga quý, địa ngục, súc sanh đều là thiện, đó mới là người thiện. Nếu còn có bất thiện xen tạp ngay trong đó thì không phải người thiện. Cái thiện đó của họ là thiện của tương đối, không phải thuần thiện. Thuần thiện nhất định phải lìa khỏi tương đối, vậy mới đúng.

Cho nên chúng ta chính mình nghĩ xem, trên kinh nêu ra đó đều là phiền não nghiêm trọng, đem nó quy nạp thành “hoài nghi”. Không chỉ là chúng ta hoài nghi đối với thánh hiền, mà hoài nghi đối với tất cả mọi người, hoài nghi đối với việc, hoài nghi đối với vật. Đến lúc nào có thể đem hoài nghi này đoạn dứt? Không thể nói người khác hoài nghi đối với ta, ta cũng hoài nghi đối với họ, vậy là sai rồi, vậy thì biến thành đại chướng ngại, chúng ta vĩnh viễn không cách gì tiến triển. Họ hoài nghi ta, ta không hoài nghi họ; họ cự tuyệt ta, bài trừ ta, ta thoái lui, ta tạm thời né tránh, ta quyết không hoài nghi họ. Đến khi chính mình công phu chân thật sâu rồi, “tinh thành sở chí, kim thạch vi khai”, liền có thể hóa giải hoài nghi của người bên ngoài đối với chính mình. Họ đối với ta vẫn còn hoài nghi, đó là nói rõ chân thành của ta chưa đủ, ta chính mình chưa làm được tốt. Quyết không có chút tâm oán hận đối với người khác. Mỗi niệm phải hồi quang phản chiếu, tại sao người khác hoài nghi ta, vì sao bài trừ ta? Chúng ta thành tâm thành ý như vậy, toàn tâm toàn lực vì chúng sanh phục vụ, vì xã hội phục vụ,

xã hội vẫn không chịu tiếp nhận chúng ta; chúng ta toàn tâm toàn lực vì Phật giáo, vì quốc gia ở nơi đây bồi dưỡng nhân tài, tại vì sao quốc gia không cần chúng ta, cự tuyệt chúng ta? Vì chân thành của chúng ta làm chưa đủ, quyết định không thể trách người khác, không thể trách xã hội, mà trách ta chính mình làm chưa đủ.

Chư Phật Bồ Tát, đại thánh đại hiền, không có một ai không phải là từ nơi tâm tánh của chính mình mà hạ công phu, đây gọi là nội học. Nếu như tất cả đều xem thấy bên ngoài, xem thấy người khác, đây gọi là “ngoại đạo”. Nhà Phật gọi nội học, ngoại đạo là từ chỗ này mà phân. Chúng ta chính mình học Phật, vạn nhất không nên học thành ngoại đạo. “Ngoại đạo” là gì? “Ngoài tâm câu pháp” gọi là ngoại đạo. Nơi nơi nhìn thấy người khác không đúng, đây là ngoại đạo. Mỗi niệm phân tình chính mình không đúng, đó là học Phật.

Đích thực là người khác không có lỗi lầm, cho dù họ tạo năm ác mười nghịch, họ cũng không có lỗi lầm. Vì sao vậy? Trên kinh Vô Lượng Thọ nói rất rõ ràng: “Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả”, không có người dạy họ. Nếu không có người dạy họ, chúng ta muốn trách họ thì chúng ta sai rồi. Chúng ta nghĩ xem, câu nói này trên kinh đúng hay không? Tỉ mỉ mà nghĩ, đích thực cha mẹ họ không dạy họ, trường bói của họ không dạy họ, thầy của họ không dạy họ, thì họ làm sao mà biết được? Cho nên họ phạm tất cả lỗi lầm, chúng ta nhất định không thể trách họ. Chúng ta có một niệm tâm trách cứ, thì tâm của chúng ta quá khác ý rồi. Chúng ta cũng là không dễ gì mới hiểu rõ được đạo lý này, mới từ xưa kia vô số tập khí ác quay đầu lại. Thật là không dễ dàng quay đầu.

Ngày ngày thân cận Phật Bồ Tát, mỗi ngày đọc kinh, mỗi ngày cùng đồng tu, đạo hữu nghiên cứu thảo luận kinh điển, đây là thân cận Phật Bồ Tát. Trong 50 năm, thời gian dài như vậy, miên mật không rời, ngày ngày đang làm, không một ngày nào ngưng nghỉ, chúng ta mới đem ý niệm này chuyển đổi lại. Thật không dễ dàng! Nếu bạn không có nghị lực, không có quyết tâm, bạn làm sao có thể chuyển đổi lại? Vào thời đại này, tốn thời gian 50 năm để quay đầu lại, chuyển đổi lại, thì đã xem là rất nhanh rồi, đã là rất khó làm, đáng quý lắm rồi. Chúng ta chuyển đổi lại thì chắc chắn không còn đọa lạc. Lấy một câu nói trong tôn giáo để nói: “Chính mình được cứu rồi”, nhà Phật nói: “Chính mình được độ rồi”. Sau khi chính mình được độ, cái thân thể này vẫn còn lưu lại thế gian, quyết không vì chính mình, không có chính mình. Thân thể lưu lại thế gian này để giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, giúp đỡ chúng sanh hiểu rõ đại đạo lý. Hư không pháp giới tất cả chúng sanh vốn dĩ là một thể, việc này ở trong Đại kinh, Phật đã nhiều lần tuyên nói.

Chúng ta không hề nghĩ rằng, người Úc châu có quan niệm này. Họ biết được vũ trụ nhân sanh là một thể, cho nên tư tưởng của họ, đời sống của họ, hành vi của họ, văn hoá của họ không hề trái với phép tắc của tự nhiên. Chính ngay hiện tại, họ vẫn giữ qui tắc cũ mà tổ tông hơn một ngàn năm trước của họ truyền lại, họ không thay đổi. Cho nên, chính họ tự xưng là “chân nhân” và gọi những người chung quanh như chúng ta là “người biến đổi”. Chúng ta bị văn minh vật chất ô nhiễm, ô nhiễm đi tâm linh, ô nhiễm thể năng, bản năng thân thể chúng ta bị ô nhiễm. Lời nói này của họ là có chứng cứ. Họ nói: “*Các bạn là những người bị biến đổi gien. Các bạn có dám không mặc quần áo ở dưới mưa lớn hay không? Có thể ở dưới mưa chịu ướt một ngày mà thân thể của bạn rất khỏe mạnh, một chút bệnh tật cũng không có không?*”. Họ đưa ra chứng cứ này. Tôi nghĩ lại, chúng ta không làm được. Chúng ta sau khi bị mưa ướt rồi, lập tức bị trúng gió, cảm mạo, thể năng của chúng ta bị ô nhiễm rồi. Những vùng đất này, nam nữ đều không mặc quần áo, trải qua theo tự nhiên, trở về thời xa xưa, họ sinh sống ở ngoài đồng trống. Chính phủ Úc châu xây những phòng nhà cho họ, họ đem phòng nhà đó làm thành kho để chứa đồ, họ vẫn cứ sinh sống ngoài đồng trống, buổi tối thì ngủ ở ngoài lộ thiên. Hệ thống tiêu hóa của họ tốt, ăn thức ăn là những thứ hoang dã trên núi mang về, họ cũng không có bệnh, họ ăn được rất khỏe mạnh, ăn được rất cường tráng.

Chân thật là thể năng của chúng ta đã bị biến đổi, bản năng mà thiên phú cho chúng ta thấy đều bị mất hết. Cách sinh hoạt của họ, chúng ta không thể sống được. Dùng lời của họ để nói, người thật cùng người biến đổi, thực tế chính là khác biệt ở nơi một niệm, đều là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh ra. Lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì liền hồi phục được thiên chân. Tâm địa của họ thanh tịnh, không có phiền não, không có lo lắng, không có vương bận, không có tham sân si mạn, không có phải quý nhân ngã, cho nên họ có công năng đặc dị rất nhiều. Việc này chúng ta biết được, “công năng đặc dị” trong Phật pháp gọi là “thần thông”. “Thông” này từ đâu mà có? “Thông” từ tâm thanh tịnh mà có. Thân tâm họ thanh tịnh, cho nên họ có thể đột phá được thời không khác nhau, họ có thể câu thông qua lại với chúng sanh ở những tầng không gian khác. Họ biết được cảm ân, câu nguyện, cho nên đối với những giáo hội đến bên đó để truyền giáo, họ xem thấy rất kỳ lạ. Thầy truyền giáo dạy người cầu nguyện, họ nói đó đều là hình thức. Họ một ngày từ sớm đến tối đều đang cầu nguyện, mỗi niệm đều là cảm ân. Chân thật là trong kệ hồi hướng của chúng ta nói: “Trên đèn bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường”, họ đã thực tiễn rồi. Ngay trong mỗi niệm, họ đều không quên bốn ân, còn chúng ta chỉ là đọc suông thôi. Họ cảm ân thân, cảm ân trời đất, cảm ân đại tự nhiên vạn vật. Đích thực là họ có trí tuệ cao độ, có văn hoá rất cao. Thế nhưng người thông thường xem họ như là dân tộc dã man, ngay đến quần áo cũng không mặc. Điều này rất đáng được chúng ta suy ngẫm.

Chúng ta làm thế nào có thể đem nghi chướng phá trừ, việc này là vô cùng quan trọng. Cái ải này có thể đột phá rồi thì phía sau sẽ không quá khó. Bạn tinh tấn thì niệm căn, niệm lực, định căn, định lực, huệ căn, huệ lực tự nhiên liền thêm lớn, tự nhiên bạn sẽ tinh tấn không giải đãi, làm gì cần người xúc tiến? Vì sao vậy? Sự việc an vui, thế xuất thế gian không có việc gì vui hơn. Người xưa ưa thích đọc sách, vì “đọc sách vui”. Người hiện tại vì sao không ưa thích đọc sách? Đọc sách quá khô, trong việc đọc sách có niềm vui nhưng họ không có được. Vì sao chúng ta đọc sách không có niềm vui? Vì không hề thâm nhập, nghĩa thú vị ở trong sách không nắm được. Phật pháp càng vui, không gì có thể so sánh được.

Ngày nay, những gì mà Phật đã nói ra, chúng ta không chân thật hiểu được, không chân thật thể hội được, không thể đem Phật pháp dung hội biến thành cái của chính mình. Nếu như dung hội thành tư tưởng, kiến giải, hành vi, đời sống của chính mình thì họ làm sao không vui? Dùng lời hiện tại mà nói, bạn không đạt được an vui, giống như ăn thức ăn, bạn không ăn được thứ bổ dưỡng, là bạn sau khi ăn rồi không thể tiêu hóa. Không phải thức ăn không thể tiêu hóa, mà là do hệ thống tiêu hóa của chính chúng ta có vấn đề, có trục trặc. Tại sao có người khi đọc thì họ có thể “tiêu hóa”, chúng ta đọc thì không thể “tiêu hóa”? Vì “hệ thống tiêu hóa” của chúng ta có vấn đề. Tham-sân-si-mạn-nghi, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ này làm cho “hệ thống tiêu hóa” của chúng ta xảy ra vấn đề. Cho nên chấp trước không thể không có. Vì sao vậy? Bạn là phàm phu, làm sao có thể không có? Phải biết giảm ít, bạn liền sẽ có chỗ tốt. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ít đi một phần, bạn liền có thể hấp thu được một phần Phật pháp; có thể giảm ít đi hai phần, bạn liền có thể hấp thu được hai phần Phật pháp. Đạo lý chính là như vậy. Nếu như vẫn kiên trì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình, thì ngay trong một đời, bạn dụng công khổ học như thế nào, đều không thể tiêu hóa, ăn được càng nhiều thì càng không thể tiêu hóa, không có được bổ dưỡng. Cho nên, nếu muốn được giáo huấn của thánh hiền, thực tế mà nói, chính là trí tuệ đức năng vốn đủ trong tâm tánh, bạn phải đạt được cái bổ dưỡng chân thật này. Cần phải đem thân tâm điều chỉnh cho tốt, hồi phục công năng tiêu hóa của chính mình, như vậy ở trên đạo Bồ Đề tự nhiên liền thuận buồm xuôi gió.

Tóm lại mà nói, trong Phật pháp, cương lĩnh nguyên tắc thứ nhất chính là “Thiền định”. Thiền định là rút gọn của Phật pháp. Hai chữ “Thiền định” này giảng giải như thế nào? Trên kinh Kim Cang nói: **“Bất thủ u tướng, như như bất động”**, chúng ta liền hồi phục rồi. “Bất thủ u tướng” chính là ngoài không dính tướng. Bên ngoài, làm thế nào để không dính tướng? Phải thường hay nghĩ đến **“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”**. Nhìn thấy tướng tốt, thuận cảnh, trong lòng hoan hỉ, liền nghĩ: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” đề tâm hoan hỉ xuống (tâm hoan hỉ là phiền não). Gặp nghịch cảnh, người ác, thì niệm “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” đề tâm sân hận xuống. Tất cả thời, tất cả nơi, giữ gìn tâm bình thường (bình là bình đẳng, thường là hằng thường), vĩnh viễn giữ gìn một tâm bình đẳng. Cho nên, chúng ta ở trước Phật cúng một ly nước. Nước là đại biểu bình đẳng, đại biểu thanh tịnh. Vĩnh viễn gìn giữ tâm của bạn thanh tịnh bình đẳng, đây là Phật đạo, là đại đạo. **“Bình thường tâm thị đạo”**. Sáu căn vừa tiếp xúc với bên ngoài, mới có sóng gió nho nhỏ, tâm của mình liền không giữ được, vậy thì không có đạo, là tâm phàm, không phải tâm đạo. Các vị phải nên ghi nhớ, đạo tâm là tâm thanh tịnh, bình đẳng; phàm tâm là tâm hỉ nộ ái lạc. Làm thế nào để siêu phàm nhập thánh? Nếu bạn tưởng tận rồi, thì bạn liền biết được dụng công thế nào.

Kinh văn: **“Giác chi trang nghiêm cố, thường thiện giác ngộ, nhất thiết chư pháp”**.

Đoạn này là nói Thất Bồ Đề Phần trong 37 phẩm trợ đạo, “Thất Giác Chi”. Thất giác chi tổng cộng có bảy điều.

- Điều thứ nhất là “Niệm”.
- Điều thứ hai là “Trạch Pháp”.
- Điều thứ ba là “Tinh Tấn”
- Điều thứ tư là “Hi”
- Điều thứ năm là “Khinh An”
- Điều thứ sáu là “Định”
- Điều thứ bảy là “Xả”.

Từ trong những đạo phẩm này, chúng ta có thể thể hội được, Phật nói một danh tướng, thí dụ nói “tinh tấn”, nói “niệm” thì trong rất nhiều khóa mục đều có, danh xưng như nhau nhưng ý nghĩa khác nhau. Cho nên, chúng ta bình thường đọc kinh, đặc biệt là giảng kinh, nhất định phải biết danh tướng này dùng trong hạng mục nào, nhất định phải rõ ràng thì mới không hiểu sai ý nghĩa của nó. Thí dụ như “niệm” trong Thất Giác Chi, trong Tứ Thân Túc có “niệm”, trong Ngũ căn, Ngũ lực đều có “niệm”, ở chỗ này lại có “niệm”, danh từ này ở trong bốn khoa đều giống nhau, thế nhưng ý nghĩa của nó hoàn toàn khác nhau. Loại tình hình này ở trong Phật kinh rất nhiều, không thể nào không lưu ý.

Tác dụng của “Thất Giác Chi” và hiệu quả của nó, một câu nói trên kinh ngay chỗ này đã điểm tỉnh cho chúng ta: “Thiện giác ngộ nhất thiết chư pháp”. Không chỉ là giác ngộ tất cả các pháp, “Thiện giác ngộ” thông thường chúng ta dùng để đối trị hôn trầm và trạo cử của chúng ta. Chúng ta chọn dùng phương pháp này. Người tu hành, xưa nay trong ngoài có thể nói hai loại này là bệnh chung, người người đều có.

Loại thứ nhất là “Hôn Trầm”. Tinh thần không thể đề khởi, ngồi ở nơi đó, thậm chí đứng ở nơi đó cũng có thể ngủ gật. Chúng ta thường gặp được trong lúc giảng kinh, trong thánh chúng có người ngủ gật mà ngáy ra tiếng, hoặc ngay trong lúc đã Phật thất cũng thường có người như vậy, đến khi chỉ tịnh thì chân thật là có rất nhiều người ngủ gật, thậm chí khi đang đi kinh hành, họ cũng đi, thế nhưng họ vừa đi vừa ngáy, đây là thuộc về hiện tượng của hôn trầm. Đây là chướng ngại, là phiền não rất nghiêm trọng.

Loại thứ hai là “Trạo Cử”. Trạo cử là trong tâm vọng niệm quá nhiều. Bình thường chúng ta không phát hiện ra, dường như không có vọng niệm, nhưng khi vừa chỉ tịnh tĩnh lặng lại, không biết từ đâu đến nhiều vọng niệm như vậy. Cho nên, có người nói với tôi, khi không ngồi tĩnh tọa thì không có vọng niệm, khi vừa tĩnh tọa thì nhiều vọng niệm đến như vậy. Kỳ thật, khi không ngồi tĩnh tọa thì vọng niệm cũng nhiều như vậy nhưng bạn không hề phát giác, đến khi bạn muốn tĩnh lặng lại thì mới phát hiện bạn vọng niệm nhiều đến như vậy, mới hiểu được phương pháp đối trị.

Thông thường chúng ta cũng không nói “Thất Giác Chi”, vì “Thất Giác Chi” nói được quá phiền não. Chân thật là có khế nhập tương đối với Phật pháp, biết dùng những nguyên lý nguyên tắc trong kinh điển, thông thường chúng ta sử dụng phương pháp là khi vọng niệm quá nhiều thì nhất định phải bình lặng, không nên chú ý vọng niệm, càng sợ vọng niệm nhiều thì vọng niệm sẽ càng nhiều, chắc chắn không thể dừng lại. Khi vọng niệm khởi lên, dùng phương pháp gì vậy? Không nên để ý đến nó, nếu như niệm Phật thì đem ý chí chuyên chú vào câu Phật hiệu, không luận là thiện niệm hay ác niệm, thầy đều không để ý đến nó, ý niệm chuyển đổi, chuyên chú Phật hiệu lâu ngày dài tháng thì vọng niệm tự nhiên liền ít. Thông thường chúng ta dùng phương pháp này rất có hiệu quả.

Nếu như là hôn trầm nhẹ, không phải là rất nghiêm trọng thì kinh hành, nhiều Phật. Mọi người đang chỉ tịnh cũng không hề gì, chỉ cần bạn không chướng ngại đại chúng, bạn có thể đứng dậy nhiều Phật. Thậm chí ở niệm Phật đường không quá lớn, không có chỗ để bạn nhiều Phật, bạn có thể đứng dậy ra bên ngoài niệm Phật đường nhiều Phật. Đây là phương pháp đối trị.

Nếu như hôn trầm tương đối nghiêm trọng một chút, thì tốt nhất là lạy Phật. Nếu như lạy Phật mà cũng ngủ, vậy thì không còn cách nào, rất khó làm. Cho nên nhất định phải đề khởi tinh thần, đương nhiên tinh thần cùng nguyện lực của chính mình có quan hệ rất lớn. Nhất định phải phát đại nguyện, nguyện độ chúng sanh, nguyện liễu sanh tử, nguyện thành Phật đạo. Phạm là người có thành tựu, không gì khác là do có nguyện lực đang thúc đẩy họ, cho nên họ mới có thể đồng mãnh tinh tấn.

THẤT GIÁC CHI

Điều thứ nhất là “Niệm Giác Chi”

Trong Thất Giác Chi, điều đầu tiên là “Niệm Giác Chi”. Trong tiểu chú chú giải là cách nói thông thường, đây là cách nói thông dụng, ở bất cứ nơi nào đều có thể dùng cách nói này. “Niệm giác chi”, “Tâm trầm thời”, đây là tâm hôn trầm, không thể đề khởi tinh thần.

“Niệm dụng trạch tấn hỷ dĩ khởi chi”. Đây là dạy cho chúng ta phương pháp, khi hôn trầm thì dùng “trạch pháp”. Như vừa rồi chúng ta vừa mới nói, chọn lấy kinh hành, chọn lấy lạy Phật, chọn lấy chỉ tịnh, chọn lấy chuyên chú Phật hiệu, đây là thuộc về “trạch pháp”. Bạn phải biết chọn lựa phương pháp để đối trị. Nếu như không biết dùng phương pháp để đối trị thì công phu của bạn không thể nâng lên. Phương pháp thì vô lượng vô biên, không phải chỉ có một phương pháp. Phương pháp của người khác dùng, chưa chắc ta dùng được có lực; phương pháp ta dùng, chưa chắc người khác dùng được có lực. Phương pháp nhất định phải khế cơ, không phải khế cơ của đại chúng, mà là khế cơ của cá nhân ta. Căn cơ cùng tập khí có quan hệ, cũng chính là nói pháp môn mà ngay trong đời quá khứ bạn đã tu học. Nếu như pháp môn hiện tại bạn đang tu học cùng với pháp môn quá khứ bạn đã tu học là như nhau, vậy thì bạn học được rất thoải mái, rất thuận lợi, lại tiếp tục học tiếp. Nếu như hiện tại pháp môn tu học hoàn toàn trái ngược với trong đời quá khứ đã tu, thì sẽ học rất khổ cực, rất là gian nan, không quen. Cho nên căn cơ của mỗi người cùng với tu hành của đời quá khứ có quan hệ mật thiết.

Phật, Bồ Tát và A La Hán, các Ngài giáo hóa chúng sanh tại vì sao được dễ dàng? Các Ngài có thể thấy ra được quá khứ của bạn, biết được trong đời quá khứ bạn đã tu học những gì, cho nên nói ra pháp rất khế cơ. Còn phạm

phụ chúng ta, những thiện hữu thì không có năng lực này. Không có năng lực này thì phải tỉ mỉ mà quán sát, từ ngay trong kinh nghiệm mà cạo sát, mà quán sát, sau đó lại làm thực nghiệm.

Thí dụ, chúng ta nói kinh giáo, căn tánh của chúng ta, ngay trong tám tông phái trong pháp Đại Thừa, chúng ta thích hợp với pháp môn tu học nào đều là có liên quan mật thiết với đời quá khứ. Nếu như khế hợp căn tánh, thì bạn học pháp môn này sẽ rất dễ dàng, rất thuận buồm xuôi gió. Nếu như không tương ứng với pháp mà đời quá khứ đã tu, bạn học được rất khổ cực, không dễ dàng thành tựu, rất dễ dàng thoái chuyển. Cho nên, quán cơ rất quan trọng. Thế nhưng chính mình cũng phải giúp đỡ chính mình. Khi mới học, có thể lướt qua một số pháp môn để hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ, ta chính mình tỉ mỉ suy xét mà chọn lựa.

Tôi lấy chính tôi làm một thí dụ. Ban đầu tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu cho tôi “kinh Hoa Nghiêm”. Tôi đọc qua “Đại Sư Thanh Lương Sơ Sao” rất là hoan hỉ, thế nhưng không dám học, vì bộ kinh này quá lớn, tôi không học nổi. Cho nên vào lúc đó cùng lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi một lòng một dạ muốn học “kinh Pháp Hoa”. Tôi sưu tập mười mấy loại chú giải của “kinh Pháp Hoa” mang đến Đài Trung, thưa với lão sư là tôi muốn học kinh Pháp Hoa. Vào lúc đó, đúng lúc thầy khai giảng “Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm kinh”, thầy liền hỏi tôi: *“Vi sao ông muốn chọn học bộ kinh này?”*. Tôi nói, ngày trước tôi theo học với Ngài (đây là việc trước khi xuất gia), tôi ở Đài Trung một năm ba tháng (15 tháng), tôi học với thầy mười ba bộ kinh nhỏ. Bộ đầu tiên mà tôi học là A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung kinh. Tiến độ của chúng tôi vào lúc đó là một tháng học một bộ. Tiêu chuẩn là phải biết giảng, lên đài có thể giảng. Chí khí cao ngất, có thành tựu cảm, một tháng liền biết giảng một bộ, cho nên tâm học tập, không khí học tập rất là hưng vượng (việc này ở Phật học viện thông thường không làm được), tôi ở nơi đó học được mười ba bộ kinh. Về sau, tôi xuất gia đi dạy ở Phật học viện, một học kỳ dạy một bộ. Phật học viện ba năm tốt nghiệp tôi mới dạy sáu bộ. Mười ba bộ kinh của tôi, phân nửa chưa dùng đến. Ở nơi đó hiệu quả rất là cao, phong khí học tập rất nồng hậu, cho nên tôi học bộ kinh nhỏ, chính mình nắm chắc được. Thế nhưng muốn học một bộ đại kinh, thầy nói: *“Mục đích của ông chỗ này rất tốt. Hiện tại tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, phân lượng của “Lăng Nghiêm” cũng gần bằng như “Pháp Hoa” vậy, ông học “Lăng Nghiêm” được rồi, cùng theo tôi học, tránh được việc tôi phải tìm thời gian khác để dạy cho ông”*. Tôi cũng biết được thời gian của thầy rất là bảo quý, cho nên tôi liền nghe theo giáo huấn của thầy, buông xả đi “kinh Pháp Hoa”, theo thầy học “Lăng Nghiêm”. “Kinh Lăng Nghiêm”, trên tay chỉ có một loại chú giải, do pháp sư Viên Anh giảng nghĩa. Cho nên, vì để học kinh Lăng Nghiêm, tôi liền vội vàng liên hệ với nơi lưu thông kinh Phật ở HồngKong, do pháp sư Trí Khai phụ trách. Tôi chưa hề gặp mặt ông, cho nên tôi gọi ông là lão pháp sư, tôi viết thư cho ông rất là cung kính, cầu xin ông giúp đỡ tôi sưu tập chú giải của kinh Lăng Nghiêm. Đại khái không đến nửa năm, ông tìm được cho tôi hơn hai mươi loại chú giải, đều là sách đóng bìa rất quý hiếm. Pháp sư Trí Khai giúp đỡ quá lớn đối với tôi. Khi tôi mới xuất gia rất là nghèo, không có tiền, không mua sách nổi, pháp sư Trí Khai tìm được sách là gửi ngay cho tôi, đến lúc nào có tiền thì tôi gửi trả cho ông. Vào lúc đó, có một số cư sĩ tại gia hộ trì, họ nói: *“Thưa pháp sư! Chúng tôi muốn cúng dường Ngài”*. Tôi nói: *“Tốt! Hiện tại tôi đã mua mấy quyển sách này, bao nhiêu tiền, hãy mau giúp tôi gửi trả đi. Bạn cúng dường tôi như vậy thì tốt rồi”*.

Tôi ở Đài Trung chăm chỉ dùng công phu ba năm, theo lão sư Lý học “Lăng Nghiêm”. Lão sư Ngài mỗi tuần lễ giảng một lần, thầy giảng thứ tư thì thứ năm tôi giảng lại, giảng tiểu tào. Chúng tôi ở Đài Trung, sau khi lớp học kinh dùng rồi (lớp học kinh chỉ học hai năm, bồi dưỡng hơn hai mươi học trò), đại khái có khoảng hai mươi bảy, hai mươi tám học sinh, mỗi mỗi đều có thể giảng kinh. Cho nên miền Trung Bắc của Đài Loan, Liên Xã Đài Trung xây dựng mười bảy giáo sở. Những học trò này luân phiên đến các nơi đó để giảng kinh, có ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo Đài Loan. Lớp này trong hai năm thành tựu nhiều người như vậy.

Sau khi lớp này ngưng rồi, tính luôn cả tôi là bảy người, bảy người bạn học chúng tôi không tan ra. Mỗi một tuần lễ, chúng tôi tự mình cùng nhau nghiên cứu thảo luận ba giờ đồng hồ, do một bạn học giảng lại. Trong ba năm này họ rất từ bi, dành toàn bộ thời gian cho tôi, để tôi giảng lại “kinh Lăng Nghiêm”. Cho nên lão sư Lý giảng qua một lần, tôi cũng giảng được một lần. Tôi giảng một lần cho sáu bạn học nghe. Sáu bạn học này cũng đều là người giảng kinh, đều là trong nghề, nên giúp đỡ tôi rất nhiều. Tôi giảng có khuyết điểm, có sai sót, có chỗ dùng từ không rõ ý, họ thấy đều nêu ra để giúp tôi cải chánh. Cho nên cầu học, không luận thế xuất thế gian pháp, phải có thầy, phải có bạn, chỉ riêng có thầy mà không có bạn thì rất khó thành tựu. Thầy giáo là chỉ lộ, bạn học là giúp đỡ ngay trong lúc đi đường. Giống như chúng ta đi du lịch, kết bạn cùng đi, chăm sóc lẫn nhau. Cho nên bạn rất là quan trọng, thầy cùng bạn ân đức đều dày.

Bảy người chúng tôi cùng nhau mười năm, mười năm như một ngày. Họ đều là người tu tại gia, đều có gia đình, đều có chức nghiệp. Mỗi tuần lễ tụ hội một lần vào thứ năm, do tôi đến giảng lại, sáu bạn học này đến giúp đỡ tôi. Nếu chúng tôi có vấn đề không giải quyết được thì đi hỏi lại thầy giáo, còn nếu có thể giải quyết thì không cần phiền phức lão sư. Sự tiến bộ này rất lớn. Trong ba năm thì bộ kinh Lăng Nghiêm này giảng xong. Nền tảng này khi tôi học giảng kinh đã định đặt rồi, về sau học tiếp bộ đại kinh khác dễ dàng như trở bàn tay. Kinh Pháp Hoa tôi chưa học qua, chưa nghe qua, thế nhưng lão sư Lý giảng kinh Pháp Hoa còn bút ký, các vị xem trong

“Hoàng Hộ Tiểu Phẩm” có thấy, còn lại bút ký. Tôi lấy bút ký đó của Ngài, tôi có thể giảng kinh Pháp Hoa. Tôi đã từng dùng sáu mươi giờ để giảng đại ý “Pháp Hoa”, (bộ này có băng ghi âm). Kinh Hoa Nghiêm, tôi đến Đài Trung nghe qua quyển thứ nhất, tôi nghe qua cách giảng của thầy thế nào. Sau khi nghe xong quyển thứ nhất rồi thì những phân phía sau tôi đều biết rồi, tôi liền đến Đài Bắc giảng kinh Hoa Nghiêm. Các vị học giáo, nhất định phải hiểu được bí quyết này. Người xưa nói: “Một kinh thông, tất cả kinh thông”, lời nói này một chút cũng không sai. Cho nên nếu bạn có thành tựu, nhất định phải “một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”. Vì vậy chúng ta không dám nói khai ngộ, khai meo, bạn tìm được bí quyết rồi, bạn hiểu được rồi thì bất cứ kinh điển nào đến trên tay đều không có khó khăn, đều sẽ không có chướng ngại. Nhiều nhất là ở nơi kinh văn gặp phải khó khăn, thì tham khảo chú giải của người xưa. Chú giải của vị này xem chưa được lý giải lắm thì tìm chú giải của vị khác, cho nên tôi sưu tập sách tham khảo rất nhiều.

Hiện tại những sách tham khảo này đều gửi đến Úc châu rồi. Tôi thu tập “Đại Tạng kinh”, những bản khác nhau của “Đại Tạng kinh” tổng cộng có mười loại. Hiện tại mười loại này cùng “Tứ Khố Toàn Thư” thầy đều gửi đến Úc châu. Phải có năng lực đọc sách xưa, cho nên hiện tại tôi yêu cầu các đồng tu ở Úc châu, rất nhiều người các vị đều quen biết, thế hệ chữ Ngô đều qua đó, họ ở bên đó tu học khổ cực hơn chúng ta bên đây. Vì sao vậy? Tôi yêu cầu họ nhiều hơn so với các vị bên đây. Họ đã theo tôi mười năm, nếu như không có thành tựu thì tôi có lỗi với họ, đây là vì họ theo tôi thời gian dài. Tôi yêu cầu họ mỗi tuần lễ học thuộc hai thiên cổ vấn, ngay trong một năm phải thuộc một trăm thiên cổ vấn, phải có thể thuộc, có thể giảng, có thể viết. Vì sao vậy? Đây là chìa khóa của “Đại Tạng Kinh”, “Tứ Khố Toàn Thư”. Bạn không có chiếc chìa khóa này thì “Tứ Khố Toàn Thư” bạn không thể bước vào, sách bày ra trước mắt xem không hiểu. Sách xưa ngay đến chấm phẩy cũng không có, ngay đến câu bạn cũng không thể phân ra, cho nên phải dùng thời gian một năm để đọc cổ vấn. Từ trong “Cổ Vấn Quán Chi” tôi chọn ra một trăm thiên, mời cô giáo Dương dạy. Họ ở nước ngoài, nên Anh văn rất quan trọng, cho nên tôi mời pháp sư Ngô Lâm cùng cư sĩ Lưu (từ Hoa Kỳ đến), hai người phụ trách dạy Anh Văn. Bài khóa bên đó, thứ hai, thứ tư, thứ sáu thì học Anh Văn; thứ ba, thứ năm, thứ bảy thì học Trung Văn. Ngay trong năm năm, tôi qui định bảy môn bài khóa, thêm vào một trăm thiên cổ vấn, tám thứ này nhất định phải hoàn thành, cho nên họ vui đầu mà học.

Mấy ngày nay, vì để kỷ niệm tròn bốn năm Hàn Quán Trưởng vắng sanh, trên núi, dưới núi đều đã Phật thất. Người trên núi đều xuống dưới, tôi gọi điện hỏi Ngô Đạo: “*Có phải các vị đã Phật thất, người trong Phật đường không đủ phải không?*”. Thầy nói: “*Người đủ mà*”. Tôi tiếp: “*Người đủ rồi tại sao để những người ở trên núi phải xuống núi?*”. Ngô Đạo không nói ra được. “*Phải mau bảo họ quay trở lại đọc sách, không được mượn cơ hội này mà nghỉ. Làm gì có loại đạo lý này? Đọc sách quan trọng, Phật thất là một hình thức. Chân thật báo ân Phật là thành tựu đức hạnh của chính mình, thành tựu học vấn của chính mình, đem cái này để báo đáp Hàn Quán Trưởng*”. Chúng ta phải có hành vi thực tế, tu hành thực tế, như vậy mới có thể thành tựu.

Việc chọn lựa pháp môn quan hệ thành bại của cả đời chúng ta. Điều này trước tiên ở ngay trong “Niệm Giác Chi” nhắc nhở cho chúng ta, tâm hôn trầm thì bạn liền dùng trạch pháp tinh tấn, hi để đề khởi; “tâm phù thời”, “phù” chính là trạo cử; tâm không an, vọng niệm quá nhiều thì dùng khinh an, định, xả, ba loại phương pháp này để nhiếp tâm.

“Giác linh định huệ quân đẳng”, nhất định phải đạt đến định huệ đều nhau. Đó là bình thường. Định nhiều, huệ ít thì hôn trầm; huệ nhiều, định ít thì trạo cử, thì nghĩ tưởng xằng bậy, đây là phạm phu chúng ta thấy đều có. Ở chỗ này nói ý nghĩa định huệ rất cận, cho nên phải biết được danh từ giống nhau, cách nói không giống nhau. Định huệ ở đây cùng trong Phật kinh nói Giới - Định - Huệ hoàn toàn không giống nhau, đó là hoàn toàn khi bình thường dụng công. Nhiếp tâm là một loại phương pháp hàng phục hôn trầm, cho nên chúng ta phải nên hiểu được.

Tốt rồi, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta chỉ học đến đây thôi.

A Di Đà Phật!

PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH (tập 67)

Người giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Giảng tại: Tịnh Tông Học Hội Singapore

Thời gian: Năm 2001

Cản dịch: Viên Đạt cư sĩ, Vọng Tây cư sĩ

Biên tập: Phật tử Diệu Hương, Phật tử Diệu Hiền